

PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DỰA TRÊN KẾT QUẢ TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

ĐOÀN TRUNG KIÊN *
PHAN THỊ LAN HƯƠNG **

Tóm tắt: Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả (outcome-based approach) là cách tiếp cận hiện đại mà hầu hết các trường đại học trên thế giới sử dụng trong quản trị đại học và trong đánh giá chất lượng đào tạo hiện nay. Ở Việt Nam, trong bối cảnh các trường đại học đang triển khai chế độ tự chủ đại học, việc đánh giá chất lượng và cải tiến chương trình giảng dạy là một trong những nhiệm vụ trọng tâm. Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 đã tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các trường đại học. Tuy nhiên, số lượng các trường đại học của Việt Nam được xếp hạng trong nhóm 1000 trường đại học tốt nhất thế giới còn rất hạn chế, chưa được xếp thứ hạng cao trong khu vực và trên thế giới. Thực tế cho thấy tình trạng sinh viên tốt nghiệp đại học chưa đáp ứng yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp. Chất lượng đào tạo còn có sự phân hoá rõ rệt giữa các cơ sở đào tạo. Bài viết phân tích thực trạng chất lượng giáo dục trên cơ sở phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả đầu ra và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Từ khoá: Tiếp cận dựa trên kết quả; chất lượng đào tạo; phương pháp đào tạo; giáo dục đại học
Nhận bài: 05/7/2023 Hoàn thành biên tập: 16/02/2024 Duyệt đăng: 16/02/2024

DISCUSSION ON THE OUTCOME-BASED APPROACH IN PROMOTING THE QUALITY OF HIGHER EDUCATION IN VIETNAM

Abstract: The outcome-based approach has become a prevalent method currently employed worldwide by universities in university administration and assessing education quality. In Vietnam, as universities are embracing autonomy, education quality evaluation and curriculum reform have become crucial tasks. The Law on Higher Education amended in 2018 has granted greater autonomy and self-responsibility to universities. However, not many Vietnamese universities are ranked among the 1000 best universities in the world, universities are not ranked highly worldwide and region-wide. In reality, university graduates often fail to meet professional skill requirements. There is a significant distinction in the quality among universities. Using an outcome-based approach, this article aims to analyse the current situation of education quality and propose some recommendations for improving the quality of higher education in Vietnam to meet the requirements of international integration.

Keywords: Outcome-based approach; training quality; training methodologies; higher education
Received: 5 July 2023; Editing completed: 16 February 2024; Accepted for publication: 16 February 2024

* Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, E-mail: doankien2001@hlu.edu.vn

** Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội, E-mail: phanhuong@hlu.edu.vn

1. Một số vấn đề chung về phương pháp đánh giá dựa trên kết quả

Phương pháp tiếp cận dựa trên kết quả (outcome-based approach) là cách tiếp cận hiện đại mà hầu hết các trường đại học trên thế giới sử dụng trong quản trị đại học và trong đánh giá chất lượng đào tạo hiện nay. Giáo dục dựa trên kết quả (outcome-based education - OBE) được William Spady đưa ra vào những năm 90 của thế kỉ XX để tập trung vào giáo dục chính thức những gì học sinh được học hơn là những gì họ được dạy. OBE là một hệ thống giáo dục ưu tiên cho kết quả đầu ra, mục đích, thành tích. Tất cả các quyết định về chương trình giảng dạy, đánh giá và hướng dẫn đều phụ thuộc vào kết quả học tập đầu ra mà học sinh phải tích lũy được ở cuối chương trình hoặc khoá học¹.

OBE đặt người học vào trung tâm của hệ thống giáo dục và tập trung vào những gì người học mong đợi đạt được vào cuối khoá học của họ hơn là cách họ đạt được điều đó. OBE là một chiến lược giáo dục trong đó các quyết định về chương trình giảng dạy tập trung vào kết quả mà người học phải đạt được sau khóa học bao gồm kiến thức chuyên môn, kĩ năng, khả năng, giá trị và thái độ hơn là quá trình giáo dục.

OBE nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đánh giá kết quả cuối cùng của người học trước khi bắt đầu chương trình học tập. Giáo dục đại học phải trang bị cho sinh viên tốt nghiệp cả kiến thức/kĩ năng chuyên môn và các đặc điểm toàn diện để họ đáp ứng nhu

cầu đa dạng toàn cầu của xã hội trong thế kỉ XXI. Ngày nay, các cơ sở giáo dục đại học ở các quốc gia khác nhau đang nhấn mạnh vào việc cải tiến chất lượng liên tục bằng cách cải cách chương trình giảng dạy, lập kế hoạch và đánh giá kết quả học tập ở tất cả các cấp, thu thập bằng chứng về việc học và phân tích kết quả đạt được bằng cách sử dụng nhiều kĩ thuật đánh giá, để đảm bảo đạt được kết quả học tập đã đặt ra.

OBE là một hệ thống bao gồm việc tái cấu trúc chương trình giảng dạy, đánh giá và giám sát thực hiện đào tạo và kết quả được phản ánh thông qua các kiến thức và kĩ năng đạt được của người học thay cho việc chỉ tính số tín chỉ tích lũy đơn thuần. Một trong những vấn đề quan trọng nhất trong OBE là thiết kế chương trình giảng dạy tích cực để người học có cơ hội thực hành, tham gia và đạt được kết quả về kiến thức của bất kì chương trình giảng dạy nào. Kết quả này có thể được đo lường thông qua quy trình đào tạo và đánh giá những gì người học có thể thực sự làm (tức là kết quả học tập thực chất). Khác với cách đánh giá kết quả truyền thống qua điểm thi cuối kì, cuối khóa nói chung, OBE tập trung vào hiệu quả học tập của người học về kiến thức, kĩ năng, thái độ và giá trị phù hợp với xã hội, kinh tế và văn hoá môi trường hiện tại của xã hội. OBE được chia thành 03 loại như sau:²

- OBE truyền thống hoặc thông thường

² Devasis Pradhan (2021), “Effectiveness of Outcome Based Education (OBE) toward Empowering the Student’s Performance in an Engineering Course”, *Journal of Advances in Education and Philosophy*, Vol 5 (2), tr. 58 - 65, DOI: 10.36348/jaep.2021.v05i02.003, truy cập 23/01/2024.

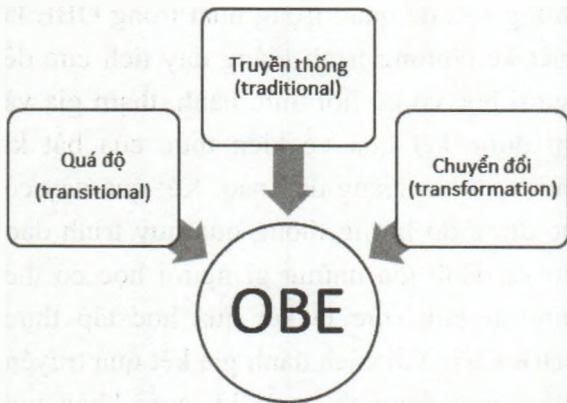
¹ N.J.Rao (2020), *Outcome-based Education: An Outline*, <https://journals.sagepub.com/doi/pdf/10.1177/2347631119886418>, truy cập 10/9/2023.

đề đo lường những kết quả chủ yếu mà người học đạt được trong các chương trình, khóa học mà họ tham gia.

- OBE chuyển tiếp/quá độ đo lường kết quả học tập của sinh viên đại học qua việc đánh giá các khả năng chung hoặc các khả năng ở bậc cao hơn, chẳng hạn như khả năng đưa ra các vấn đề, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm.

- OBE chuyển đổi đánh giá kết quả của người học trong phạm vi rộng hơn về nhận thức, về kỉ luật và năng lực (tức là đa kĩ năng), tài năng, thái độ và các giá trị yêu cầu của doanh nghiệp hoặc xã hội sử dụng.

Các loại OBE đã được tổng hợp qua sơ đồ sau³:



Sơ đồ này cho thấy các cơ sở đào tạo đại học cần phải thay đổi từ cách tiếp cận đánh giá truyền thống, chuyển dần sang cách đánh giá dựa trên kết quả (thông qua giai đoạn quá độ) và chuyển sang OBE chuyển đổi. Hơn nữa, cần phân biệt đào tạo truyền thống với đào tạo dựa trên kết quả để hiểu rõ hơn những tiêu chí và có những giải pháp thay đổi phương pháp đào tạo, chương trình đào

tạo, cách đánh giá để đảm bảo người học đạt được các kiến thức, kĩ năng theo cách đánh giá OBE chuyển đổi.

Bảng 1: Đánh giá giữa đào tạo truyền thống với OBE⁴

Đào tạo truyền thống	OBE
Những gì mà giáo viên thực hành	Những nghề nghiệp sinh viên của chúng ta đã có thể thực hiện được và có thể chứng minh
Dạy học (đầu vào và nội dung)	Học tập (thể hiện các kĩ năng và năng lực, kết quả)
Dạy và học (TLA) như là một phần của kết quả	Dạy và học (TLA) như một phương tiện để đạt kết quả đầu ra
Thực hành quyết định kết quả	Kết quả thông tin cho việc thực hành
Việc học tập lấy sách giáo khoa/tài liệu bắt buộc và giáo viên làm trung tâm.	Việc học tập lấy người học làm trung tâm, giáo viên tạo điều kiện và liên tục áp dụng các phương pháp thảo luận nhóm, giải quyết tình huống để tăng cường cách tiếp cận mới
Giáo viên áp đặt và thiếu sự linh hoạt	Các chương trình học tập mang tính định hướng/hướng dẫn cho phép giáo viên đổi mới và sáng tạo trong việc thiết kế các chương trình của họ.
Giáo viên chịu trách nhiệm về việc học tập và động lực phụ thuộc vào tính cách của giáo viên	Người học tự chịu trách nhiệm về việc học của mình và được thúc đẩy bởi phản hồi và khẳng định giá trị của họ.

³ Devasis Pradhan (2021), tltdd, tr. 58 - 65.

⁴ Devasis Pradhan, tltdd, tr. 58 - 65.

Như vậy, có thể nói cách tiếp cận theo OBE đòi hỏi phải đổi mới cả nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp đào tạo theo cách chuyển từ đào tạo truyền thống (giáo viên làm trung tâm) sang phương pháp đào tạo mới (người học làm trung tâm). Phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm sẽ giúp cho người học tham gia tích cực hơn, tự học hỏi, tìm hiểu và người dạy đóng vai trò đồng hành, định hướng người học. Phương pháp này giúp cho người học có thể phát triển năng lực của cá nhân, tư duy phản biện và các kỹ năng mềm như kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm, tự nghiên cứu. Đây là những kỹ năng quan trọng giúp cho người học phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong tương lai.

2. Thực trạng các quy định và thực hiện giáo dục dựa trên kết quả ở Việt Nam

Liên quan đến đào tạo đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Thông tư này thay thế Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định cụ thể liên quan đến kết quả đầu ra như sau:

Thứ nhất, về chuẩn đầu ra của chương

trình đào tạo được quy định tại Điều 5 bao gồm 7 tiêu chí:

- Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo.

- Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung, phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học.

- Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác.

- Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực.

- Phải được cụ thể hoá một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần.

- Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng

hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

Đánh giá kết quả người học dựa trên chuẩn đầu ra (CĐR) bao gồm: kiến thức thực tế và kiến thức lí thuyết; kĩ năng nhận thức, kĩ năng thực hành nghề nghiệp và kĩ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kĩ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn ứng với mỗi trình độ đào tạo⁵. Tuy nhiên, việc đánh giá trên thực tế còn có nhiều bất cập bởi vì có những tiêu chí chưa thể hiện trong việc đánh giá kết quả của người học, ví dụ như việc đánh giá kĩ năng giao tiếp, ứng xử hay kĩ năng thực hành nghề nghiệp chưa thực sự đảm bảo thực chất. Bằng chứng cho thấy, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp đại học còn thấp. Báo cáo “Giáo dục để tăng trưởng” của Ngân hàng Thế giới tháng 8/2022 đã chỉ ra một trong những tồn tại của chất lượng giáo dục đại học ở nước ta là trình độ, kĩ năng của sinh viên sau tốt nghiệp. Báo cáo chỉ rõ, tính đến năm 2019, nước ta có 10,2% dân số ở độ tuổi từ 25 trở lên có bằng cử nhân hoặc tương đương. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cho biết gặp khó khăn trong việc tìm kiếm lao động có kĩ năng lãnh đạo và quản lí (73%), huy động lao động có kĩ năng kĩ thuật (ngoài công nghệ thông tin: 68%) và tìm kiếm lao động có kĩ năng ngoại ngữ (58%)⁶.

⁵ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam”.

⁶ Ngân hàng Thế giới (World Bank), *Giáo dục để tăng trưởng*, 8/2022, tr. 39.

Thứ hai, về đánh giá kết quả học tập, khoản 2 Điều 9 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định chi tiết về đánh giá kết quả học tập phải dựa trên CĐR phải làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong CĐR của mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo. Khoản 3 Điều 9 quy định: “Đánh giá kết quả học tập của người học phải dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết; làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo”.

Thông tư số 08/2021/TT-GDĐT quy định: “Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo” (Điều 2). Thực tế cho thấy việc cải tiến phương thức đào tạo mới chỉ đơn thuần chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ. Theo phương thức này, người học sẽ được công nhận đủ điều kiện tốt nghiệp nếu tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định. Điều 3 Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT quy định về đào tạo theo tín chỉ: “Là phương thức tổ chức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của cơ sở đào tạo”. Như vậy, việc áp dụng đào tạo theo tín chỉ cho phép người học tích lũy đủ số tín chỉ và

đủ điều kiện tốt nghiệp đại học. Vấn đề đặt ra ở đây là cần phải đảm bảo đánh giá được thực chất kết quả học tập của người học. Hiện nay, thường có 3 phương pháp đánh giá kết quả học tập được áp dụng bao gồm:⁷

- Đánh giá ban đầu hoặc đánh giá đầu vào (diagnostic assessment): được tiến hành trước khi dạy một môn học/bài học/chủ đề học tập/nhiệm vụ học tập nào đó, giúp giảng viên nắm được tình hình sinh viên lĩnh hội những kiến thức liên quan, những điểm sinh viên đã nắm vững, những lỗ hổng cần bổ khuyết để quyết định cách dạy cho thích hợp;

- Đánh giá quá trình/đánh giá theo tiến trình/đánh giá thường xuyên (on-going/formative assessment) được tiến hành nhiều lần trong giảng dạy nhằm cung cấp những thông tin ngược để giảng viên và sinh viên kịp thời điều chỉnh cách dạy và cách học, ghi nhận kết quả từng phần để tiếp tục thực hiện chương trình một cách vững chắc;

- Đánh giá tổng kết/đánh giá cuối kì (summative assessment): tiến hành khi kết thúc môn học/khoá học bằng những kì thi nhằm đánh giá tổng quát kết quả học tập đối chiếu với những chuẩn đầu ra đã công bố.

Tuy nhiên, các cơ sở đào tạo hiện nay chủ yếu chỉ dựa trên việc đánh giá tổng kết khi tiến hành đánh giá kết thúc môn học thông qua kì thi. Các hình thức đánh giá đầu vào và đánh giá quá trình chưa được thực hiện hiệu quả, đôi khi còn mang tính hình

thức do đó không đảm bảo được sự đánh giá chính xác kết quả mà người học cần đạt được bao gồm kiến thức và kỹ năng như CDR của môn học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy số lượng sinh viên tốt nghiệp đại học đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng còn thực sự hạn chế. Theo đánh giá về xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2018 thì Việt Nam chỉ đứng thứ hạng 137/140 quốc gia về kỹ năng phù hợp của sinh viên tốt nghiệp đại học theo báo cáo của các đơn vị sử dụng lao động tại từng quốc gia⁸.

Thứ ba, về phương pháp giảng dạy và đánh giá chất lượng giảng viên.

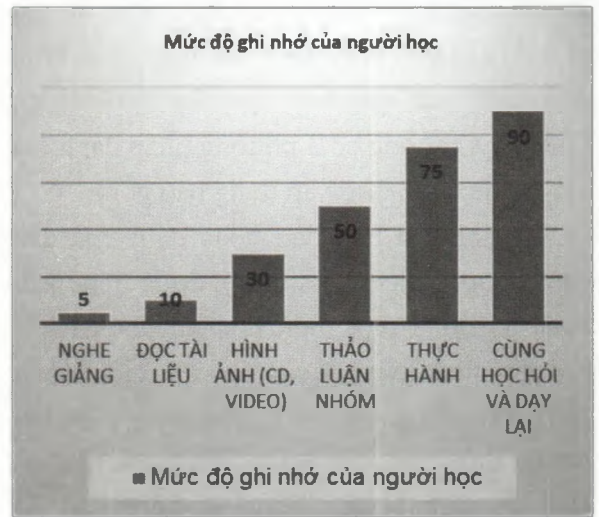
Có thể thấy phương pháp đào tạo của giảng viên là một trong những nội dung quan trọng nhất để đảm bảo chất lượng đào tạo, bảo đảm người học sẽ đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng về năng lực chuyên môn và kỹ năng. Các cơ sở giáo dục đại học của nước ta đã chuyển sang hình thức đào tạo theo tín chỉ nhưng phương pháp giảng dạy truyền thống vẫn là phương pháp sử dụng chủ yếu trong các cơ sở đào tạo. “*Việc phát triển đào tạo kỹ năng nào và bằng phương pháp nào còn tùy thuộc vào chương trình giảng dạy của mỗi trường. Vì vậy, phần lớn các trường chỉ trang bị vài kỹ năng cũ, chậm cập nhật những kỹ năng mới để đưa vào chương trình cho sinh viên*”⁹.

⁸ Ngân hàng Thế giới (World Bank), tldd, tr. 39.

⁹ Trần Huỳnh (2018), *Sinh viên thiếu kỹ năng, trường đại học vẫn chưa rõ phải dạy gì*, <https://tuoitre.vn/sinh-vien-thieu-ky-nang-truong-dai-hoc-van-chua-ro-phai-day-gi-20181126215435446.htm>, truy cập 23/01/2024.

⁷ Lưu Khánh Linh (2020), “Đề xuất mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra môn học thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học”, *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt kì 1 tháng 5, tr. 69.

Mặc dù từ năm 2010, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 2196 /BGDDT-GDDH ngày 22/4/2010 về hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo, trong đó có quy định về các kỹ năng bao gồm: kỹ năng cứng là kỹ năng chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống, kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng mềm là kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm, khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học. Các kỹ năng sinh viên hiện nay cần có như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả qua văn viết và văn nói, kỹ năng làm việc nhóm, thương lượng, quản lý khách hàng, đối tác, kỹ năng tư duy đa chiều. Tuy nhiên, nhiều cơ sở đào tạo của Việt Nam hiện nay chưa thực sự đảm bảo người học đạt được các kỹ năng cần thiết, đặc biệt là kỹ năng mềm để đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Do đó, để nâng cao chất lượng đào tạo thì các cơ sở giáo dục đại học cần phải thực hiện nhiều giải pháp, trong đó đổi mới từ phương pháp giảng dạy truyền thống sang phương pháp giảng dạy tích cực lấy người học làm trung tâm là một trong những giải pháp quan trọng. Phương pháp giảng dạy tích cực sẽ tạo cho sinh viên chủ động tích lũy kiến thức, kỹ năng. Phương pháp này cải thiện rõ rệt khả năng tiếp thu và nhớ kiến thức của người học, như đã được hai chuyên gia Harrison và Stewart nghiên cứu và tổng kết như sau:¹⁰



Do đó, các trường đại học cần phải đổi mới phương pháp đào tạo bằng việc sử dụng nhiều phương pháp giảng dạy khác nhau như thảo luận nhóm, thực hành, tăng cường tự nghiên cứu, tìm hiểu, dạy lại và giáo viên sẽ đóng vai trò định hướng, dẫn dắt người học. Qua việc khuyến khích người học tự tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành sẽ giúp tích lũy các kỹ năng mềm như thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang phương pháp này cần có sự cải cách đồng bộ về cơ sở vật chất như thiết kế phòng học đảm bảo sự tương tác cao (làm việc nhóm, thực hành đóng vai...), giảm số lượng người học để nâng cao sự tương tác giữa người học với giáo viên, ứng dụng nhiều phương tiện kỹ thuật vào giảng dạy.

Thứ tư, về đánh giá các cơ sở đào tạo để đảm bảo chất lượng.

Kể từ năm 2007, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã triển khai khảo sát thực trạng các cơ sở giáo dục đại học trong cả nước, có 89 trường đại học tham gia dựa trên các tiêu chí bao gồm: giảng viên; sinh viên; đánh giá của

¹⁰ Michelene T.H. Chi (et all), “Self-Explanations: How Students Study and Use Examples in Learning to Solve Problems”, *Cognitive Science - A Multidisciplinary Journal*, Vol 13, Issue 2, 1989, tr. 145 - 294, https://onlinelibrary.wiley.com/doi/10.1207/s15516709cog1302_1, truy cập 23/01/2024.

sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường; sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp; đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; cơ sở vật chất.¹¹ Như vậy, trong các tiêu chí đánh giá, tiêu chí đánh giá dựa trên ý kiến của người học, nhà tuyển dụng là một cách tiếp cận giáo dục từ hướng ngành dịch vụ. Theo cách tiếp cận này, chất lượng dịch vụ gắn liền với cảm nhận và đánh giá của sinh viên về dịch vụ họ được hưởng, qua đó cung cấp cho các đơn vị đào tạo cái nhìn khách quan hơn về dịch vụ mình cung cấp¹². Bên cạnh đó, các tiêu chí đánh giá khác như giảng viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cũng được xem là các tiêu chí quyết định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và là tiêu chí kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Lần đầu tiên, kiểm định chất lượng giáo dục chính thức được quy định trong Luật Giáo dục năm 2005 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Đặc biệt là, kể từ năm 2012, Luật Giáo dục đại học được ban hành đã có quy định cụ thể về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học¹³. Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm

2018 đã quy định về đảm bảo chất lượng giáo dục; mục tiêu, nguyên tắc và đối tượng kiểm định chất lượng giáo dục. Ví dụ, Điều 51 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học về kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 78/QĐ-TTg ngày 14/01/2022 về việc Phê duyệt Chương trình “Phát triển hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm giai đoạn 2022 - 2030”. Bên cạnh đó, Bộ GDĐT đã ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BGDĐT quy định việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm. Như vậy, có thể thấy rằng nhà nước ta đã và đang đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng của các cơ sở giáo dục đại học. Tính đến tháng 8/2023, có 261 cơ sở đào tạo hoàn thành đánh giá ngoại theo tiêu chuẩn trong nước; 194 cơ sở đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn trong nước; 9 cơ sở đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn nước ngoài¹⁴.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá, giáo dục đại học Việt Nam xếp thứ 68/196 quốc gia trên thế giới năm 2019. Năm 2020, đã có 3 trường đại học được xếp trong nhóm 1001+ trường đại học tốt nhất thế giới và 8 trường đại học của Việt Nam đã được đưa vào danh sách các trường đại học

¹¹ Bộ Giáo dục Đào tạo, Báo cáo số 10036/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 28/10/2008 về thực trạng chất lượng đào tạo.

¹² Kim Hoàng Giang (2016), *Đánh giá chất lượng đào tạo đại học qua phản hồi của sinh viên*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/1335-danh-gia-chat-chat-luong-dao-tao-dai-hoc-qua-phan-hoi-cua-sinh-vien.html>, truy cập 30/2/2023.

¹³ Doãn Nhân (2024), *Những con số biết nói về kiểm định chất lượng giáo dục đại học sau 20 năm*, <https://giaoduc.net.vn/nhung-con-so-biet-noi-ve-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-dai-hoc-sau-20-nam-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-dai-hoc-sau-20-nam-post240859.gd>, truy cập 20/02/2024.

¹⁴ Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), *Giáo dục đại học năm học 2022-2023: Khởi sắc từ sự kiên trì, bền bỉ*, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8732>, truy cập 23/01/2024.

hàng đầu châu Á¹⁵. Theo bảng xếp hạng tầm ảnh hưởng của Times Higher Education (THE) năm 2024, Việt Nam chỉ có 02 trường được xếp hạng trong nhóm 601 đến 800 (Đại học Duy Tân, Đại học Tôn Đức Thắng), 01 trường trong nhóm 1201 đến 1500 (Đại học Quốc gia Hà Nội), 03 trường được xếp hạng trong nhóm 1501+ (Đại học Khoa học và Công nghệ, Đại học Huế, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh)¹⁶. Như vậy, thực tế cho thấy hiện nay chất lượng đào tạo đại học của Việt Nam vẫn còn có khoảng cách lớn so với khu vực và quốc tế, chưa đáp ứng được yêu cầu của hội nhập và toàn cầu hoá. Tình trạng sinh viên tốt nghiệp đại học chưa đáp ứng yêu cầu về kỹ năng nghề nghiệp, chất lượng đào tạo còn có sự phân hoá rõ rệt giữa các cơ sở đào tạo.

3. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học theo cách tiếp cận dựa trên kết quả

Giáo dục đại học ngày càng trở nên quan trọng trong các chương trình nghị sự quốc gia và đã trải qua nhiều cải cách sâu sắc trên toàn thế giới trong những thập kỉ qua¹⁷. Do đó, xu hướng chung đó là các cơ sở giáo dục

đại học không chỉ trở nên đa dạng hơn về loại hình, quyền sở hữu và cung cấp dịch vụ giáo dục, họ cũng đã đa dạng hoá sứ mệnh của mình, hướng mục tiêu đến các nhóm sinh viên cụ thể (phụ nữ, dân tộc thiểu số, hoàn cảnh khó khăn hoặc sinh viên có nhu cầu đặc biệt, người lớn và người học suốt đời, sinh viên quốc tế...), phục vụ các nhu cầu cụ thể của địa phương hoặc khu vực, chuyên về một số lĩnh vực thích hợp hoặc thiết lập liên kết chặt chẽ với các ngành/công ty cụ thể¹⁸. Trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hoá, Nhà nước cũng đã có nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới và cải cách hệ thống giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Hội nghị Trung ương 8 khoá XI của Đảng thông qua Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục-đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đề ra mục tiêu đến năm 2030, giáo dục đại học Việt Nam sẽ đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Việt Nam cần lực lượng lao động có kỹ năng để chuyển đổi thành nền kinh tế thu nhập trung bình cao vào năm 2035, do đó yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yêu cầu cấp bách của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, cần phải đẩy mạnh cách tiếp cận dựa trên kết quả. Cách tiếp cận OBE tập trung vào kết quả của cơ sở giáo dục đào

¹⁵ Trần Thị Minh Tuyết (2022), *Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825408/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx#, truy cập 03/3/2023.

¹⁶ Time Higher Education, https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2024/world-ranking#!/length/25/locations/VNM/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats, truy cập 23/01/2024.

¹⁷ OECD (2012), “Assessment of Higher Education Learning Outcomes”, tr. 16, <https://www.oecd.org/education/skills-beyond-school/AHELOFSReportVolume1.pdf>, truy cập 05/3/2023.

¹⁸ OECD (2012), tr. 21.

tạo mà trong đó kiến thức và kỹ năng của người học được thị trường đánh giá. Có thể nói người học được xác định là sản phẩm đầu ra của cơ sở giáo dục đại học. Chất lượng của cơ sở giáo dục đại học được quyết định bởi nhiều yếu tố khác nhau nhưng trong đó chất lượng của người dạy và người học là yếu tố đóng vai trò quyết định. Do đó, nâng cao chất lượng đào tạo cần phải bắt đầu từ việc thực hiện nâng cao chất lượng của người học, đảm bảo người học đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng trong nước và quốc tế.

Để nâng cao chất lượng của cơ sở đào tạo, cần thực hiện một số giải pháp cụ thể sau:

Thứ nhất, cần nghiên cứu lại các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo phù hợp với cách tiếp cận dựa trên kết quả. Các tiêu chí đánh giá này đảm bảo tính thực chất với mục tiêu trọng tâm là đánh giá người dạy và người học. Các tiêu chí này cũng cần đảm bảo đánh giá được kiến thức tích lũy và kỹ năng làm việc (kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề...) của người học. Như vậy, các cơ sở giáo dục đại học phải đổi mới phương pháp giảng dạy tham gia tích cực hơn, phát huy tư duy phản biện, tích lũy được kiến thức và có khả năng vận dụng kiến thức đã học vào công việc thực tiễn. Giáo dục dựa trên kết quả là một chiến lược giáo dục, trong đó các quyết định về chương trình giảng dạy tập trung vào kết quả mà người học phải thể hiện bằng kết quả của khóa học: kiến thức chuyên môn, kỹ năng, khả năng, giá trị và thái độ hơn là quá trình giáo dục. Có thể nói, người học là sản phẩm đầu ra của cơ sở đào tạo và chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo sẽ quyết định kết quả mà người học đạt được. Ngoài

ra, cần phải có quy định cụ thể hơn về các tiêu chí đánh giá kết quả của người học một cách thực chất, đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng thích ứng và phục vụ công việc đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng.

Thứ hai, cần nghiên cứu xem xét bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục đang được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học đảm bảo tiếp cận cách đánh giá của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT quy định gồm nhiều tiêu chí và tiêu chuẩn, ví dụ như bảo đảm chất lượng về chiến lược (có 8 tiêu chuẩn); bảo đảm chất lượng và hệ thống (có 4 tiêu chuẩn); bảo đảm chất lượng về thực hiện chức năng (có 9 tiêu chuẩn); kết quả hoạt động (có 4 tiêu chuẩn). Ví dụ, Điều 19 Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT quy định về Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học bao gồm: Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập. Tuy nhiên, các hình thức đánh giá hiện nay đang áp dụng ở hầu hết các cơ sở giáo dục đại học chưa thực sự phù hợp với các tiêu chí đánh giá về năng lực của người học mà các quốc gia trên thế giới đang áp dụng. Các khung trình độ chuyên môn đã phát triển nhanh chóng qua hai thập kỷ và hơn 70 quốc gia hiện đã phát triển các khung trình độ. Ở châu Âu, Khung trình độ bao trùm của Khu vực giáo dục đại học châu Âu (EHEA-QF) đã được thông qua bởi các bộ trưởng của giáo dục về Tiến trình Bologna vào tháng 5/2005.

Thứ ba, cần nghiên cứu thay đổi các tiêu chí đánh giá chất lượng các cơ sở giáo dục

đại học theo các cách xếp hạng mà thế giới đang áp dụng. Ví dụ, Bảng xếp hạng các trường đại học phổ biến nhất trên thế giới, được thiết kế để tạo sự thuận tiện cho sinh viên là QS World University Rankings bao gồm các chỉ số chính của đánh giá là: danh tiếng học thuật (40%), danh tiếng giữa các nhà tuyển dụng (10%), tỉ lệ giáo viên trên sinh viên (nhóm càng nhỏ thì càng tốt cho việc giảng dạy) (20%), trích dẫn các công trình khoa học tại Scopus (20%) và tỉ lệ sinh viên và giáo viên nước ngoài (5% + 5%)¹⁹. Năm 2024, chỉ số này đã có sự điều chỉnh nhất định. Các tiêu chí đánh giá bao gồm: danh tiếng của cơ sở giáo dục (30%); danh tiếng của nhà tuyển dụng (15%); tỉ lệ người học các khoa chuyên môn (10%); chỉ số trích dẫn theo khoa chuyên môn (20%); tỉ lệ sinh viên quốc tế (5%); tỉ lệ mạng lưới nghiên cứu quốc tế (5%); kết quả tuyển dụng (5%); tính bền vững (5%). Như vậy, có thể thấy rằng danh tiếng của nhà tuyển dụng đã tăng từ 10% lên 15% và kết quả tuyển dụng được tách riêng theo tỉ lệ là 5%. Đây là các tiêu chí liên quan trực tiếp đến chất lượng đào tạo người học và góp phần vào quyết định thứ hạng của cơ sở giáo dục đại học²⁰.

Thứ tư, cần đẩy mạnh cải cách chương trình đào tạo đại học phù hợp với chương trình của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học và liên kết đào tạo sẽ cho phép các

cơ sở đào tạo công nhận các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc tế. Đảm bảo các cơ sở đào tạo đại học có thể cải tiến chương trình đào tạo, đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của các cơ sở đối tác. Do đó, cần phải tăng cường trao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc cải tiến, xây dựng chương trình để đảm bảo sự tương thích với các chương trình đào tạo của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Tóm lại, người học là sản phẩm đầu ra của cơ sở đào tạo, thể hiện chất lượng, thương hiệu của cơ sở đó. Các cơ sở đào tạo cần phải chủ động đổi mới phương pháp đào tạo, đánh giá người học theo chuẩn mực quốc tế, góp phần nâng cao vị thế của cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục Đào tạo (2023), *Giáo dục đại học năm học 2022-2023: Khởi sắc từ sự kiên trì, bền bỉ*, <https://moet.gov.vn/tintuc/Pages/tin-tong-hop.aspx?ItemID=8732>
2. Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo, Danh sách các cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo giáo dục đại học và cao đẳng sư phạm hoàn thành báo cáo tự đánh giá và được đánh giá/ công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, ngày 31/10/2023.
3. Devasis Pradhan (2021), “Effectiveness of Outcome Based Education (OBE) toward Empowering the Students Performance in an Engineering Course”, *Journal of Advances in Education and Philosophy*, Vol 5, issue 2.
4. Kim Hoàng Giang, *Đánh giá chất lượng đào tạo đại học qua phản hồi của sinh*

¹⁹ T. Vitenko, V. Shanaida, P. Drozdziel, R. Madlenak (2018), *Assessment of Higher Education in Global Measurement*, Conference Paper, DOI:10.21125/inted.2018.0787, truy cập 23/01/2024.

²⁰ 7.10. QS World University Rankings, <https://support.qs.com/hc/en-gb/articles/4405955370898-QS-World-University-Rankings>, truy cập 23/01/2024.

- viên, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dao-tao-boi-duong/item/1335-danh-gia-chat-chat-luong-dao-tao-dai-hoc-qua-phan-hoi-cua-sinh-vien.html>
- Lưu Khánh Linh (2020), “Đề xuất mô hình đánh giá kết quả học tập theo chuẩn đầu ra môn học thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học”, *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 1 tháng 5.
 - Micheline T.H. Chi (et all), “Self-Explanations: How Students Study and Use Examples in Learning to Solve Problems”, *Cognitive Science - A Multidisciplinary Journal*, Vol 13, Issue 2, https://online.library.wiley.com/doi/10.1207/s15516709cog1302_1
 - Ngân hàng Thế giới (World Bank), Báo cáo điểm lại - Giáo dục để tăng trưởng, 8/2022.
 - OECD (2012), *Assessment of Higher Education Learning Outcomes*, <https://www.oecd.org/education/skills-beyond-school/AHELOFSReportVolume1.pdf>
 - QS World University Rankings, <https://support.qs.com/hc/en-gb/articles/4405955370898-QS-World-University-Rankings>
 - Trần Thị Minh Tuyết (2022), *Đổi mới giáo dục Đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*, https://tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/825408/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx#
 - T. Vitenko, V. Shanaida, P. Drozdziel, R. Madlenak (2018), *Assessment of Higher Education in Global Measurement*, Conference Paper, DOI:10.21125/inted.2018.0787

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG VỀ QUÁY RỐI TÌNH DỤC TẠI NƠI LÀM VIỆC (tiếp theo trang 132)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Ngọc Hải (2022), “Phòng, chống hành vi quấy rối tình dục đối với công nhân tại nơi làm việc”, *Tạp chí Luật học*, số 6.
- Nguyễn Thị Tố Như (2022), “Phòng, chống quấy rối tình dục trong nội quy lao động - Yêu cầu bắt buộc và hiệu quả áp dụng trong quản lý lao động”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/phong-chong-quay-roi-tinh-duc-trong-noi-quy-lao-dong-yeu-cau-bat-buoc-va-hieu-qua-ap-dung-trong-quan-ly-lao-dong>
- Thái Vũ Hải Đăng (2021), “Quấy rối tình dục tại nơi làm việc theo pháp luật Singapore và kinh nghiệm với Việt Nam”, *Tạp chí Toà án nhân dân điện tử*, <https://tapchi.toaan.vn/quay-roi-tinh-duc-tai-noi-lam-viec-theo-phap-luat-singapore-va-kinh-nghiem-voi-viet-nam>
- Trần Thị Huyền Trang (2022), “Quy định của Bộ luật Lao động năm 2019 về quấy rối tình dục tại nơi làm việc và tác động đối với doanh nghiệp”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, <https://danchuphapluat.vn/quy-dinh-cua-bo-luat-lao-dong-nam-2019-ve-quay-roi-tinh-duc-tai-noi-lam-viec-va-tac-dong-voi-doanh-nghiep>
- Trần Thị Thúy Lâm, Đỗ Thị Dung (2021), *Bình luận những điểm mới của Bộ luật Lao động năm 2019*, Nxb. Lao động, Hà Nội.